

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2017/DS-ST

Ngày: 02-10-2017

*V/v: “Yêu cầu bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thanh Thúy

Ông Phan Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Pho- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2017 về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 171/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Ấp NA, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bà Huỳnh Kiến Cát P, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Ấp MA C, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Có mặt);

*** Bị đơn:** Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ: Ấp Nhơn An, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Trần Thị H-Chủ tịch UBND xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đặng Thanh T-Phó chủ tịch UBND xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre(Có mặt);

Địa chỉ: Ấp NA, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Ấp 2A, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Kiến Cát P trình bày:

Nhà bà V giáp ranh đất với Ủy ban nhân dân (UBND) xã NT, thành phố BT. Vào năm 2010, 2011 bà có xin phép ông Lê Văn E là chủ tịch UBND xã NT để san lấp khoảng đất trống diện tích 48,38m² giáp đất sau nhà bà để mấy cái lu chứa nước sử dụng. Sau đó bà V thuê thợ đổ cát, đá lấp vì phần đất này như cái mương lạn, trăn xi măng hết tổng cộng chi phí là 25.000.000đồng, bao gồm: tiền công thợ, tiền vật tư mua xi măng, đá, cát xây, cát lấp, còn cụ thể số tiền từng phần bao nhiêu bà V không nhớ vì lâu quá nên bỏ mất giấy tờ nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Khi UBND xã NT yêu cầu trả lại mặt bằng phần đất này để xây dựng Trung tâm Văn hóa xã NT, bà V cũng đồng ý trả lại nhưng yêu cầu UBND xã NT bồi thường tiền do bà san lấp mặt bằng, trăn bê tông phần diện tích đất này. Trong quá trình thỏa thuận bồi thường UBND xã NT đồng ý bồi thường theo giá của Hội đồng định giá của UBND thành phố BT phần diện tích sang lấp trăn xi măng là 5.612.000đồng nhưng bà V không đồng ý. Bà khởi kiện yêu cầu bồi thường 25.000.000đồng nhưng trong quá trình hòa giải bà yêu cầu bồi thường là 12.000.000đồng, đồng thời bà yêu cầu định giá lại.

Ngày 27/7/2017, Hội đồng định giá cấp tỉnh đã tiến hành định giá phần diện tích bà V san lấp, trăn xi măng là 5.612.000đồng. Tại phiên tòa ngày 06/9/2017, người đại diện theo ủy quyền của bà V không đồng ý kết quả định giá và yêu cầu định giá lại. Tại biên bản làm việc ngày 13/9/2017, bà V có ý kiến không yêu cầu định giá lại phần diện tích lán xi măng mà bà muốn lấy lại những phần bà đã đầu tư trên đất.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng Thanh T trình bày:

Vào năm 2011 bà V có đến UBND xã NT gặp ông Lê Văn E-là Chủ tịch xã NT để xin sử dụng phần đất của UBND xã NT giáp với phía sau nhà bà để đặt mấy cái lu chứa nước phòng chữa cháy, UBND xã NT không có thu tiền. Phần đất của UBND xã NT thuộc thửa đất số 451 tờ bản đồ số 10 diện tích 2.088m², được UBND tỉnh Bến Tre cấp cho UBND xã NT ngày 15/4/2014. Giữa phần đất của bà V với đất UBND xã NT có cắm trụ ranh rõ ràng. UBND xã NT đã bơm cát lấp toàn bộ nền trước khi bà V sử dụng tạm phần diện tích đất này.

Cuối năm 2012, bà V mua thêm căn nhà cạnh bên nhà bà, sau đó bà đập căn nhà xây tường đó và lấy bít ton trăn phần đất bà V sử dụng của UBND xã NT, diện tích 48,38m². Bà V tự ý làm không có xin phép UBND xã NT, do thời gian bà V làm vào lúc cận tết, làm khoảng 02 ngày, đồng thời do bà V chỉ trăn xi măng cho sạch sẽ để mấy cái lu nước nên UBND xã NT không có ý kiến gì.

Do UBND xã NT có nhu cầu sử dụng làm hàng rào của Trung tâm Văn hóa xã NT nên yêu cầu bà V trả lại đất. UBND xã NT đồng ý bồi thường chi phí bà V đã trăn xi măng, theo kết quả thẩm định, định giá của Hội đồng định giá là 5.612.000đồng. Bà V yêu cầu bồi thường 12.000.000đồng là không có cơ sở nên UBND xã NT không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án thấy rằng: Bà V có xin phép ông Lê Văn E là chủ tịch UBND xã NT để xin sử dụng phần diện tích đất 48,38m², bà V đã lán xi măng phần diện tích đất này. Nay UBND xã NT yêu cầu bà V trả lại phần diện tích đất này là có thiệt hại đến quyền lợi bà V nên bà V yêu cầu bồi thường là có cơ sở. Tuy nhiên bà V yêu cầu UBND xã NT bồi thường phần diện tích lán xi măng này là 12.000.000đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở xem xét. Do đó căn cứ kết quả định giá của Hội đồng định giá cấp tỉnh, UBND xã NT phải bồi thường cho bà

V 5.612.000đồng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xét đây là quan hệ tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng giữa bà Nguyễn Thị V với UBND xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Vào năm 2011 bà V có đến UBND xã NT xin ông Lê Văn E-là Chủ tịch xã NT được sử dụng phần đất có diện tích 48,38m² thuộc thửa đất số 451 tờ bản đồ số 10 diện tích 2.088m², được UBND tỉnh Bến Tre cấp cho UBND xã NT ngày 15/4/2014, phần đất này giáp với phía sau nhà Vạn. Mục đích bà V sử dụng là đặt nhờ mấy cái lu chứa nước. Sự việc này hai bên chỉ nói miệng với nhau, không có làm giấy tờ và cũng không có thu tiền. Phần đất này đã được UBND xã NT đặt cống thoát nước, bơm cát lấp toàn bộ nền trước khi bà V sử dụng tạm phần diện tích đất này. Cuối năm 2012, bà V tự ý trăn bê tông diện tích đất này và để mấy cái lu nước nhưng UBND xã NT cũng không có ý kiến gì. Do UBND xã NT có nhu cầu sử dụng nên yêu cầu bà V trả lại để làm hàng rào của Trung tâm Văn hóa xã NT nhưng bà V yêu cầu phải bồi thường chi phí trăn mặt bằng là 12.000.000đồng. UBND xã NT chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà V chi phí 5.612.000đồng theo kết quả định giá của Hội đồng định giá;

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Bà V thừa nhận phần diện tích đất 48,38m² bà trăn xi măng để sử dụng là đất thuộc quyền sử dụng của UBND xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Nên việc UBND xã NT yêu cầu bà trả lại phần diện tích đất này để làm hàng rào Trung tâm Văn hóa xã NT là có cơ sở. Do bà V đã đổ bit ton và láng xi măng phần diện tích đất này nhưng nay trả lại cho UBND xã NT nên bà V yêu cầu UBND xã NT phải có trách nhiệm bồi thường phần giá trị phần diện tích sân láng xi măng này cho bà là phù hợp. Tuy nhiên giữa UBND xã NT với bà V chưa thống nhất với nhau về giá bồi thường, bà V yêu cầu Hội đồng định giá cấp tỉnh định giá lại.

[4] Theo biên bản định giá ngày 27/7/2017 của Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre đã căn cứ vào Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh Bến Tre về việc ban hành bảng giá nhà, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre đã đến xem xét và chiết tính kinh phí xây dựng phần kiến trúc của bà V có giá trị tổng cộng là 5.612.000đồng, giá này bao gồm cả chi phí thuê nhân công. Bà V cũng thống nhất với giá diện tích sân láng xi măng là 80.000đồng/1m² và giá bit ton là 200.000đồng/1m² nhưng bà V không đồng ý về độ sâu khối lượng bit ton không phải là 0,18m mà là 0,5m, nên tổng khối lượng bit ton theo bà là 24,19m² so với Hội đồng định giá đã định là 8,71m². Vì vậy theo bà V phần diện tích láng xi măng có giá trị là 8.708.000đồng nhưng Hội đồng định giá cấp tỉnh vẫn giữ nguyên giá đã định là 5.612.000đồng. Bà V không có cơ sở cho rằng Hội đồng định giá cấp tỉnh không khách quan khi làm nhiệm vụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận kết quả định giá này làm cơ sở giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày 06/9/2017, người đại diện theo ủy quyền của bà V có yêu cầu định giá lại. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 13/9/2017, bà V có ý kiến không yêu cầu định giá lại phần diện tích láng xi măng theo như người đại diện theo ủy quyền của bà trình bày tại phiên tòa mà bà muốn lấy lại những phần bà đã đầu tư trên đất, bà cũng không chịu trách nhiệm về việc làm ảnh hưởng đến tường rào xây dựng của Trung tâm

Văn hóa xã NT. Hội đồng xét xử xét thấy trường hợp bà V lấy lại những phần đã lảng xi măng sẽ làm ảnh hưởng đến hàng rào đã xây dựng kiên cố của Trung tâm Văn hóa xã NT, đây là tài sản của nhà nước, không phụ thuộc vào bất cứ lý do gì mà cá nhân hay tổ chức nào có hành vi gây ảnh hưởng đến tài sản nhà nước. Do đó yêu cầu của bà V về việc bà muốn lấy lại những phần bà đã đầu tư trên phần đất này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của bà V về việc buộc UBND xã NT bồi thường 12.000.000 đồng bao gồm tiền thuê nhân công làm, tiền vật liệu xây dựng để lảng xi măng nhưng bà V lại cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình gồm bảng khối lượng dự toán 11.464đồng, bảng tổng hợp vật tư 8.661.131đồng, tổng hợp dự toán công trình 14.502.037đồng và các tài liệu này không có cá nhân hay tổ chức nào ký tên xác nhận và cũng không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu UBND xã NT bồi thường trị giá phần diện tích lảng xi măng cho bà V là 5.612.000đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V về việc buộc UBND xã NT bồi thường số tiền 6.388.000đồng.

Chi phí định giá là 200.000đồng bà Nguyễn Thị V phải chịu. Bà V đã nộp xong chi phí định giá.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V không được chấp nhận một phần nên bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $(6.388.000 \times 5\%) = 319.400$ (Ba trăm mười chín ngàn bốn trăm)đồng. UBND xã NT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26, 35 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V về việc buộc Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm bồi thường giá trị phần diện tích lảng xi măng $48,38m^2$ thuộc một phần thửa đất số 451 tờ bản đồ số 10 diện tích 2.088m², tọa lạc tại xã NT, do UBND xã NT đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể tuyên:

Buộc Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị V số tiền là 5.612.000(Năm triệu sáu trăm mười hai ngàn)đồng;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Chi phí định giá là 200.000đồng bà Nguyễn Thị V phải chịu và đã nộp xong.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000(Ba trăm ngàn)đồng, Ủy ban nhân dân xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị V phải chịu là 319.400(Ba trăm mười chín ngàn bốn trăm) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ

thẩm bà V đã nộp là 625.000(Sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010475 ngày 11/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 305.600(Ba trăm lẻ năm ngàn sáu trăm) đồng theo biên lai nêu trên.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND Thành phố BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Đoàn Trang